

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Quý I năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	133,762,456,419	370,235,337,915
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		133,762,456,419	370,235,337,915
Giá vốn hàng bán	11	VI.27	91,962,699,092	258,935,198,342
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		41,799,757,327	111,300,139,573
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,828,059,306	19,963,308,202
Chi phí tài chính	22	VI.28	12,343,202,212	48,944,470,620
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,306,771,715	22,434,933,508
Chi phí bán hàng	24		2,044,461,477	2,913,768,734
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,006,666,634	38,733,250,440
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		22,233,486,310	40,671,957,981
Thu nhập khác	31		-	22,290,887,552
Chi phí khác	32		-	336,774
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	22,290,550,778
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22,233,486,310	62,962,508,759
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	5,558,181,625	13,474,713,712
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		16,675,304,685	49,487,795,047

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


NGUYỄN BẰNG NGUYỄN

Ngày 20 tháng 04 năm 2010

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



S. TRẦN HỮU CHÍNH